



疊

Common Words

zhé dié

折疊

Fold / Collapse

chóng dié

重疊

one on top of another; overlapping

céng luán dié zhàng

层峦叠嶂

range upon range of mountains

𠂔

又

又

又

又宜

彘

𠂔

𠂔

𠂔

疊

疊

疊

疊目

疊

叠

叠